

Số: 517/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 11 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 402/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hoàng N**, sinh năm 1979; Địa chỉ: D, chung cư V, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông **Trương Đình L**, sinh năm 1968; Địa chỉ: A B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị Hoàng N và ông Trương Đình L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Phạm Thị Hoàng N và ông Trương Đình L xác nhận có 02 con chung là: Trương Thị Đoan T, sinh ngày 11/01/2006 và Trương Xuân H, sinh ngày 03/5/2008.

Hiện nay, cháu Trương Thị Đoan T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trương Xuân H có nguyện vọng được ở với mẹ.

Bà Phạm Thị Hoàng N và ông Trương Đình L tự nguyện thoả thuận: giao cháu Trương Xuân H cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trương Đình L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Hoàng N và ông Trương Đình L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hoàng N và ông Trương Đình L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn sơ thẩm. Bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003956 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả lại cho bà N 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Huế;
 - TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - Chi cục THADS thành phố Huế;
 - Các đương sự;
 - UBND phường Đ
- (ĐKKH số 34 ngày 20/5/2005);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng